

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-PTTHII ngày 10/6/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II)

Tên ngành, nghề: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông**

Mã ngành, nghề: **6510312**

Trình độ đào tạo: **Cao đẳng**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh:

- **Tốt nghiệp Trung học phổ thông;**

- **Tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã học và thi đạt yêu cầu các môn văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Thời gian đào tạo: **2 năm**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo sinh viên trở thành kỹ sư thực hành ngành *Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông*, có trình độ chuyên môn và kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, có năng lực phát triển và khả năng tiếp cận kịp thời với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông nói chung và công nghệ phát thanh truyền hình nói riêng.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất

Có kiến thức hiểu biết lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và dân tộc Việt Nam; nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước cũng như vai trò, vị trí của ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông đối với sự phát triển của đất nước.

Có lý tưởng xã hội chủ nghĩa, lập trường và quan điểm của giai cấp công nhân; tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc; khiêm tốn, giản dị, cần cù, trung thực và có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần làm chủ tập thể, yêu ngành, yêu nghề, hăng say học tập và rèn luyện.

Hiểu được vị trí và trách nhiệm trong công tác được phân công.

1.2.2. Về kiến thức

Nắm vững một cách có hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, có trình độ tin học cơ bản, anh văn cơ bản, anh văn chuyên ngành Công nghệ phát thanh truyền hình và một số kiến thức về khoa học xã hội như pháp luật đại cương, vai trò của hệ thống phát thanh truyền hình và nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực trong lĩnh vực phát thanh truyền hình.

Nắm vững kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật điện tử như: linh kiện điện tử, điện tử tương tự, điện tử số, kỹ thuật thông tin điện tử...

Hiểu và trình bày được nguyên lý cấu tạo các thiết bị audio - video, thiết bị phát thanh truyền hình như máy ghi âm, máy ghi hình; máy tăng âm, bàn trộn âm; máy thu thanh, máy thu hình; máy phát thanh, máy phát hình...

Hiểu và trình bày được quy trình sản xuất chương trình phát thanh, quy trình sản xuất chương trình truyền hình và các công tác kỹ thuật trong quy trình sản xuất chương trình phát thanh, quy trình sản xuất chương trình truyền hình.

1.2.3. Về kỹ năng

Khai thác, sử dụng và vận hành hệ thống thiết bị phát thanh truyền hình trong công tác sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

Khai thác sử dụng các phần mềm biên tập âm thanh, biên tập hình ảnh động trong công tác sản xuất chương trình phát thanh, chương trình truyền hình.

Khai thác, sử dụng và vận hành hệ thống thiết bị phát thanh truyền hình trong công tác truyền dẫn phát sóng.

1.2.4. Về thái độ

Có lòng yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông, sinh viên có cơ hội làm việc trong lĩnh vực điện tử viễn thông và phát thanh truyền hình, tại các cơ sở như:

- Các đài phát thanh - truyền hình.
- Các công ty truyền thông; công ty sản xuất, lắp ráp, kinh doanh thiết bị điện tử, âm thanh, ánh sáng...
- Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực điện tử viễn thông.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 32 môn học
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 1950 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn ngành: 1515 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 511 giờ
- Bài tập, thực hành, thực tập: 1310 giờ
- Kiểm tra: 129 giờ
- Thời gian khóa học: 2 năm

3. Nội dung chương trình:

STT/ Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	25	435	178	234	23
1/KHCB	Chính trị	5	75	41	29	5
2/KHCB	Pháp luật	2	30	18	10	2
3/KHCB	Giáo dục thể chất	2	60	4	52	4
4/QLĐT	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	58	13	4
5/CN-TH	Tin học	3	75	15	58	2
6/KHCB	Anh văn 1	3	45	16	27	2
7/KHCB	Anh văn 2	3	45	16	27	2
8/KHCB	Anh văn 3-CN	2	30	10	18	2
II	Các môn học chuyên môn ngành	57	1515	333	1076	106
II.1	Môn học cơ sở	19	435	135	262	38
9/CN-KT	Linh kiện điện tử	2	45	15	26	4
10/CN-KT	Lý thuyết mạch	2	45	15	26	4
11/CN-KT	Điện tử tương tự	2	45	15	26	4
12/CN-KT	Điện tử số	2	45	15	26	4
13/CN-KT	Kỹ thuật thông tin điện tử	2	45	15	26	4
14/BC	Nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	45	15	26	4
15/CN-KT	Nhiếp ảnh	2	45	15	26	4
16/CN-KT	Thực hành điện và điện tử cơ bản	2	60	0	54	6
17/KHCB	Toán cao cấp	3	60	30	26	4
II.2	Môn học chuyên môn ngành	38	1080	198	814	68
18/CN-KT	Sản xuất chương trình phát thanh	2	30	26	0	4
19/CN-KT	Sản xuất chương trình truyền hình	2	30	26	0	4
20/CN-KT	Hệ thống viễn thông	2	30	26	0	4
21/CN-KT	Kỹ thuật phòng thu	2	45	15	26	4
22/CN-KT	Kỹ thuật phát thanh	2	45	15	26	4
23/CN-KT	Kỹ thuật truyền hình	2	45	15	26	4
24/CN-KT	Truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình	2	45	15	26	4
25/CN-KT	Nghệ thuật quay phim	2	45	15	26	4
26/CN-KT	Nghệ thuật dựng phim	2	45	15	26	4

STT/ Khoa QL môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
27/CN-KT	Thiết bị Audio - Video	3	60	30	26	4
28/CN-TH	Thiết kế hình hiệu	2	60	0	56	4
29/CN-KT	Thực hành sản xuất chương trình phát thanh	2	60	0	54	6
30/CN-KT	Thực hành sản xuất chương trình truyền hình	3	90	0	82	8
31/CN-KT	Thực tập tốt nghiệp tại trường	5	225	0	220	5
32/CN-KT	Thực tập tốt nghiệp tại cơ sở	5	225	0	220	5
Tổng cộng (I)+(II)		82	1950	511	1310	129

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1 Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

Giảng dạy sáu môn học: Chính trị, Pháp luật, Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Tin học và Anh văn theo chương trình môn học của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa sẽ được công bố trước mỗi năm học căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của nhà trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học trong chương trình môn học.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành cho sinh viên theo quy định của trường.

4.5. Bảng chuyển đổi các môn học của chương trình (chương trình đào tạo cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông từ năm 2019 trở về trước)

STT	Môn học	Số TC	Môn học chuyển đổi	Số TC
1	Toán	3	Toán cao cấp	3
2	Nhiếp ảnh cơ bản	2	Nhiếp ảnh	2
3	Nghệ thuật quay và dựng phim	2	Nghệ thuật quay phim <i>hoặc</i> Nghệ thuật dựng phim	2
4	Anh văn chuyên ngành	2	Anh văn 3-CN	2
5	Nhập môn Phát thanh - Truyền hình	2	Kịch bản truyền hình (ngành Quay phim) <i>hoặc</i> Kịch bản phân cảnh (ngành Thiết kế đồ họa)	2
6	Xử lý âm thanh trong phim	2	Kỹ thuật âm thanh (ngành Quay phim)	2
7	Hệ thống Audio, video trong môi trường IT	2	Truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình	2
8	Trạm truyền thanh, phát thanh - truyền hình	2		
9	Truyền hình cáp	2		
10	Kỹ thuật đo và an toàn điện	2	Hệ thống viễn thông	2
11	Kỹ thuật vi xử lý	2		
12	Truyền số liệu	2		
13	Kỹ thuật thông tin quang	2		

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-PTTHII, ngày 10/6/2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Phát thanh - Truyền hình II*

Ngành: **Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông**

Mã ngành: **6510312**

Số tín chỉ: **82**

HỌC KỲ I			
Anh văn 1	3	Chính trị	5
Tin học	3	Toán cao cấp	3
Sản xuất CTPT	2	Nhiếp ảnh	2
↘		TH sản xuất CTPT	2
Nghiệp vụ báo chí cơ bản	2	↙	

22

HỌC KỲ II			
Anh văn 2	3	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5
Giáo dục thể chất	2	Linh kiện điện tử	2
Điện tử số	2	Lý thuyết mạch	2
Điện tử tương tự	2	↘	↓
Sản xuất CTTH	2	TH điện và điện tử cơ bản	2
↘		TH sản xuất CTTH	3

25

HỌC KỲ III			
Anh văn 3-CN	2	Pháp luật	2
Kỹ thuật thông tin điện tử	2	Thiết bị Audio/Video	3
Kỹ thuật phòng thu	2	Kỹ thuật phát thanh	2
Nghệ thuật quay phim	2	Kỹ thuật truyền hình	2
↘		Nghệ thuật dựng phim	2

19

HỌC KỲ IV			
Thiết kế hình hiệu	2	Hệ thống viễn thông	2
Truyền dẫn phát sóng PTTT	2	↙	
↘		Thực tập tốt nghiệp tại trường	5
Thực tập tốt nghiệp cơ sở	5	↙	

16